TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Nguyễn Thị Thay**;
Ông **Nguyễn Văn Thượng**.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông **Hoàng Trung Thành** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 660/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị Xa Ki N**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Y S, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 02/11/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị Xa Ki N trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Y S chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường gây gỗ, cải vã; anh Y S có quan hệ tình cảm với người khác, thường bỏ nhà đi một thời gian dài mới quay về nhà thăm con rồi lại đi tiếp. Chị nhận thấy anh chị chung sống không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là So Phi N, sinh ngày 21/10/2003 và Hăm Mách Phao S, sinh ngày 24/10/2015 đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Y S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Xa Ki N đối với anh Y S.

+ Về con chung: Giao hai con chung cho chị Thị Xa Ki N nuôi dưỡng; ghi nhận chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Thị Xa Ki N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị Thị Xa Ki N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Thị Xa Ki N vắng mặt có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Y S vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thị Xa Ki N và anh Y S.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Xa Ki N khai nhận chị và anh Y S chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2003 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do chị cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Thị Xa Ki N khai nhận trong thời gian chung sống có mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, anh Y S có quan hệ tình cảm với người khác, thường bỏ nhà đi một thời gian dài mới quay về nhà thăm con rồi lại đi tiếp, không quan tâm gia đình nên chị yêu cầu ly hôn. Anh Y S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày. Qua kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của chị Thị Xa Ki N là có căn cứ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Xa Ki N thấy rằng, anh chị đã mâu thuẫn với nhau một thời gian dài không hàn gắn được. Nay chị Thị Xa Ki N không còn tình cảm với anh Y S và cương quyết ly hôn dù đã được động viên đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Xa Ki N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Thị Xa Ki N yêu cầu được nuôi 02 con chung tên So Phi N, sinh ngày 21/10/2003 và Hăm Mách Phao S, sinh ngày 24/10/2015. Nguyện vọng của cháu So Phi N cũng muốn được sống với chị Thị Xa Ki N nên cần giao 02 con chung cho chị Thị Xa Ki N tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận chị Thị Xa Ki N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Y S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Xa Ki N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thị Xa Ki N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị Xa Ki N đối với anh Y S. Chị Thị Xa Ki N được ly hôn với anh Y S.

2- Về con chung: Giao cho chị Thị Xa Ki N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung tên So Phi N, sinh ngày 21/10/2003 và Hăm Mách Phao S, sinh ngày 24/10/2015. Ghi nhận chị Thị Sa Ki N không yêu

cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Y S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Xa Ki N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Thị Xa Ki N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001297 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Thị Xa Ki N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Thị Xa Ki N và anh Y S biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung